**Đề 1:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**Phần I : Trắc nghiệm (3đ)**

**Câu 1**: Sán dây kí sinh ở dâu?

A. Ruột lợn

B. Gan trâu, bò

C. Máu người

D. Ruột non người, cơ bắp trâu bò

**Câu 2:** Giun kim ký sinh ở đâu?

A. Tá tràng ở người

B. Rễ lúa gây thối

C. Tuột già ở người, nhất là trẻ em

D. Ruột non ở người

**Câu 3:** Ghép nội dung ở cột A phù hợp với cột B

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Trả lời** | **Cột B** |
| 1.Trùng biến hình |  | A. Di chuyển bằng không có |
| 2. Trùng sốt rét |  | B. Di chuyển bằng bằng lông |
| 3. Trùng roi |  | C. Di chuyển chân giả |
| 4. Trùng giày |  | D. Di chuyển roi |

**Phần II: Tự luận** (7đ)

**Câu 1:** Nêu các biện pháp phòng tránh giun sán. Giun sán có tác hại như thế nào?

**Câu 2**: Nhờ đặc điểm nào mà giun đũa có thể chui rúc vào được ống mật, và hậu quả sẽ như thế nào?

**Câu 3**: Trình bày cấu tạo ngoài và trong của giun đất thích nghi với đời sống trong đất.

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 7 - Đề 1**

**Phần I: Trắc nghiệm** (mỗi câu đúng 0.25 điểm)

**Câu 1**: D

**Câu 2**: C

**Câu 3**.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| **C** | **A** | **D** | **B** |

**Phần II: Tự luận** (7 điểm)

**Câu 1**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Học sinh nêu được những biểu hiện** | **Điểm** |
| - Giun sán kí sinh hút chất dinh dưỡng của vật chủ làm cho cơ thể vật chủ gầy, yếu, xanh xao, chậm phát triển. | 1 đ |
| - Các biện pháp phòng tránh giun sán: vệ sinh ăn uống, vệ sinh cơ thể, vệ sinh môi trường… | 1đ |

**Câu 2**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Học sinh nêu được** | **Điểm** |
| Giun đũa chui vào được ống mật nhờ đặc điểm:* Đầu rất nhỏ chỉ bằng đầu kim
* Cơ thể thon nhọn hai đầu
 | 0.5đ0.5đ |
| Hậu quả:* Giun đũa chui vào ống mật, gây tắc ống dẫn mật,
* viêm túi mật, vàng da do ứ mật, gây đau bụng dữ dội.
 | 0.5đ0.5đ |

**Câu 3**.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tên** |
| Nơi sống: trong đất ẩm | 0.2đ |
| Hoạt động kiếm ăn: ban đêm | 0.2 đ |
| Cơ thể dài, thuôn 2 đầu. | 0.2đ |
| Phân đốt, mỗi đốt có vòng tơ (chi bên). | 0.2đ |
| Chất nhày → da trơn. | 0.2đ |
| Có đai sinh dục và lỗ sinh dục. | 0.2đ |
| Có khoang cơ thể chính thức, chứa dịch. | 0.2đ |
| Hệ tiêu hoá: phân hoá rõ: lỗ miệng, hầu, thực quản diều, dạ dày cơ, ruột tịt, hậu môn. | 0.2đ |
| Hệ tuần hoàn: Mạch lưng, mạch bụng, vòng hầu (tim đơn giản), tuần hoàn kín. | 0.2đ |
| Hệ thần kinh: chuỗi hạch thần kinh, dây thần kinh. | 0.2đ |

**Đề 2:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**I/ Phần trắc nghiệm khách quan : (3 điểm.)**

Hãy khoanh tròn vào câu mà em cho là đúng nhất.

**Câu 1/** Thủy tức sinh sản vô tính theo hình thức : (0.25 đ)

A. Nảy chồi và tái sinh. C. Chỉ có tái sinh.

B. Chỉ nảy chồi. D. Phân đôi.

**Câu 2/** Chức năng của tế bào gai ở thủy tức là :

A. Hấp thu chất dinh dưỡng. C. Tham gia vào hoạt động bắt mồi.

B. Tiết chất để tiêu hóa thức ăn. D. Giúp cơ thể di chuyển.

**Câu 3/** Trùng roi sinh sản bằng cách : (0,25 điểm)

A. Phân đôi theo chiều ngang cơ thể. C. Phân đôi theo chiều bất kì cơ thể.

B. Phân đôi theo chiều dọc cơ thể. D. Cách sinh sản tiếp hợp.

**Câu 4.** Động vật sau đây được xếp vào lớp trùng chân giả là : (0.25 đ)

A. Trùng giày. C. Trùng roi.

B. Trùng biến hình. D. Tập đoàn vôn vốc.

**Câu 5/** Nơi sống chủ yếu của giun kim là : (0.25 đ)

A. Ruột non của thú. C. Ruột cây lúa.

B. Ruột già của người. D. Máu của động vật.

**Câu 6**/ Nhóm giun được xếp cùng ngành với nhau là : (0,25đ)

A. Giun đũa, giun kim, giun móc câu.

B. Giun đũa, giun dẹp, giun chỉ.

C. Sán lá gan, sán dây, giun rễ lúa.

C. Giun móc câu, sán bã trầu, giun kim.

**Câu 7** / Đặc điểm nào sau đây giúp sán lá gan thích nghi lối sống kí sinh : (0,25đ)

A. Các nội quan tiêu biến. C. Mắt lông bơi phát triển.

B. Kích thước cơ thể to lớn. D. Giác bám phát triển.

**Câu 7/** Nơi sống chủ yếu của giun kim là : (0.25 đ)

A. Ruột non của thú. C. Ruột cây lúa.

B. Ruột già của người. D. Máu của động vật.

**Câu 8/** Trâu bò nước ta mắc bệnh sán lá gan nhiều là do : (0,25 đ)

A. Trâu bò thường làm việc ở các ruộng ngập nước.

B. Ngâm mình tắm mát ở nước bẩn.

C. Trâu, bò ăn rau, cỏ không được sạch, có kén sán.

D. Uống nước có nhiều ấu trùng sán.

**Câu 9 /** Điền chú thích vào hình cấu tạo ngoài của giun đất : (1đ)



**II / Phần tự luận : (7 điểm)**

**Câu 1 :** Giun đất đào hang di chuyển trong đất giúp gì cho trồng trọt của nhà nông ? Tại sao nói giun đất là bạn của nhà nông? (1,5 điểm).

**Câu 2 :** Trình bày vòng đời của sán lá gan, đề phòng bệnh giun sán ta phải làm gi ? (2,5 điểm).

**Câu 3 :** Lối sống cộng sinh giữa hải quỳ và tôm có ý nghĩa gì ? (1,5 điểm)

**Câu 4 :** Muỗi và bệnh sốt rét có liên quan gì? Tại sao miền núi thường mắc bệnh sốt rét cao, đề phòng bệnh sốt rét ta phải làm gì? (1,5 điểm).

**Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 1 Sinh học 7 - đề 2**

**I / TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đúng** | **A** | **C**  | **B**  | **B** | **B** | **A** | **D**  | **C**  |

**Câu 9**

1.Vòng tơ mỗi đốt.

2. Lỗ sinh dục cái.

3. Lỗ sinh dục đực.

4. Đai sinh dục.

**II/ Tự luận:**

**Câu 1**/

- Giun đất đào hang di chuyển trong đất làm xáo trộn bề mặt của đất làm đất tơi xốp giúp rễ cây hô hấp. 0,5 đ

- Giun đất ăn các mảnh vụn hữu cơ và đất thải ra thành chất mùn rất tốt cho cây trồng vì vậy ta có thể nói giun đất là bạn của nhà nông. 1 đ

**Câu 2/**

- Sán lá gan kí sinh ở gan trâu, bò, trứng theo phân ra ngoài gặp nước nở thành ấu trùng có lông, ấu trùng chui vào ốc ruộng kí sinh sau một thời gian ra khỏi ốc ruộng thành ấu trùng có đuôi, ấu trùng vướng ở rau cỏ rụng đuôi thành kén trâu bò ăn cỏ có kén sán sẽ mắc bệnh sán lá gan.1,5đ

- Đề phòng cần giữ vệ sinh cá nhân ăn chín uống sôi, không ăn thịt tái, ăn rau sống phải rửa thật sạch phân chuồng trước khi đem bón phải ủ cho chết trứng giun sán giữ vệ sinh ăn uống cho vật nuôi.1,5 đ

**Câu 3/**

- Hải quỳ có lối sống cố định không di chuyển được, có tế bào gai chứa nọc độc làm các loài săn mồi không dám đến gần. 0,5 đ

- Tôm có lối sống bơi lội tự do nhưng thường bị các loài khác ăn thịt như cá, mực,bạch tuộc. 0,5đ

- Tôm và hải quỳ sống cộng sinh cả hai cùng có lợi tôm giúp hải quỳ di chuyển. Hải quỳ giúp tôm xua đuổi kẻ thù 0,5 đ

**Câu 4/**

- Trùng sốt rét ký sinh trong tuyến nước bọt của muỗi Anophen khi muỗi đốt người hút máu trùng theo vào máu kí sinh và sinh sản gây bệnh sốt rét. 1đ

- Miền rừng núi khí hậu ẩm mưa nhiều, muỗi có điều kiện phát triển nhiều nên thường gây bệnh sốt rét.

- Để phòng tránh bệnh sốt rét ta cần tiêu diệt muỗi, lăng quăng bằng cách khai thông cống rãnh, phát quang, thả cá ăn lăng quăng,thoa xịt thuốc diệt muỗi, ngủ mùng kể cả ban ngày. 1đ

**Đề 3:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**I. Trắc nghiệm**: (3đ)

**Bài 1**: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng duy nhất trong các câu sau (1đ)

**Câu 1:** Giun đũa là sinh vật phân tính hay lưỡng tính?

A. Lưỡng tính C. Lưỡng tính hoặc phân tính

B. Phân tính D. Cả A, B và C

**Câu 2:** Động vật đa dạng phong phú nhất ở vùng nào?

A. Vùng ôn đới C. Vùng Nam cực

B. Vùng Bắc cực D. Vùng nhiệt đới

**Câu 3:** Vì sao sứa thích nghi được với đời sống di chuyển tự do?

A. Cơ thể có nhiều tua.

B. Ruột dạng túi.

C. Cơ thể hình dù, có tầng keo dày để dễ nổi, lỗ miệng quay xuống dưới.

D. Màu sắc cơ thể sặc sỡ.

**Câu 4:** Ruột khoang có số lượng khoảng?

A. 20.000 loài B. 15.000 loài C. 10.000 loài D. 5.000 loài

**Bài 2**: Tìm các cụm từ phù hợp điền vào chỗ trống (1đ)

Trùng roi xanh là một cơ thể động vật(1)......................, di chuyển nhờ roi, vừa(2)......................... vừa dị dưỡng, hô hấp qua màng (3)........................., bài tiết và điều chỉnh áp suất thẩm thấu nhờ không bào co bóp, sinh sản vô tính theo cách(4).........................

**Bài 3**: Nối cột A với B: (1đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Sán lá máu |   | a. Kí sinh trong ốc ruộng |
| 2. Sán lá gan | b. Kí sinh ruột non người |
| 3. Sán bã trầu | c. Kí sinh ở ruột lợn |
| 4. Sán dây | d. Kí sinh trong máu người |

**B. Tự luận** (7đ)

**Câu 1**: Trình bày nơi sống, cấu tạo, di chuyển, dinh dưỡng, sinh sản của sán lá gan? Mô tả vòng đời của sán lá gan. (2.5đ)

**Câu 2**: Điểm giống nhau và khác nhau giữa động vật và thực vật là gì? (2.5đ)

**Câu 3**: Vì sao khi mưa nhiều giun đất lại chui lên mặt đất. (1đ)

**Câu 4**: Tại sao người bị sốt rét khi đang sốt nóng cao mà người lại rét run cầm cập? (1đ)

**Đáp án đề kiểm tra giữa kì 1 môn Sinh học lớp 7 – Đề 3**

**A. Trắc nghiệm: (3đ)**

**Bài 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | B  | 0.25đ |
| 2 | C  | 0.25đ |
| 3 | C | 0.25đ |
| 4 | D | 0.25đ |

**Bài 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| (1) | Đơn bào | 0.25đ |
| (2) | Tự dưỡng | 0.25đ |
| (3) | Cơ thể | 0.25đ |
| (4) | Phân đôi | 0.25đ |

**Bài 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Sán lá máu | 1-d(0.25đ)2-a(0.25đ)3-c(0.25đ)4-b(0.25đ) | a. Kí sinh trong ốc ruộng |
| 2. Sán lá gan | b. Kí sinh ruột non người |
| 3. Sán bã trầu | c. Kí sinh ở ruột lợn |
| 4. Sán dây | d. Kí sinh trong máu người |

**B. Tự luận (7đ)**

**Câu 1**:

- Nơi sống: sống trong nội tạng trâu bò(0.25 đ)

- Cấu tạo: Cơ thể dẹp, đối xứng 2 bên mắt, lông bơi tiêu giảm, ruột phân nhánh, giác bám phát triển(0.25 đ)

- Di chuyển: Chun dãn, phồng dẹp cơ thể để chui rúc, luồn lách trong môi trường kí sinh. (0.25 đ)

- Dinh dưỡng:

* Hầu cơ thể khỏe giúp miệng hút chất dinh dưỡng từ môi trường kí sinh(0.25 đ)
* Giác bám, cơ quan tiêu hóa phát triển(0.25 đ)
* Sinh sản: Sán lá gan lưỡng tính, cơ quan sinh dục phát triển(0.25 đ)

- Vòng đời san lá gan: (1đ)



**Câu 2**:

\* Giống nhau (0.5đ)

* Đều là các cơ thể sống,
* Đều cấu tạo từ tế bào,
* Lớn lên và sinh sản.

\* Khác nhau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Động vật** | **Thưc vật** |
| Có khả năng di chuyển | Không có khả năng di chuyển |
| Có hệ thần kinh và giác quan | Không có hệ thần kinh và giác quan |
| Chất hữu cơ nuôi cơ thể sử dụng chất hữu cơ có sẵn | Chất hữu cơ nuôi cơ thể tự tổng hợp |
| Không có thành xenluloxo ở tế bào | Có thành xenluloxo ở tế bào |

**Câu 3**:

Mưa nhiều giun đất lại chui lên mặt đất vì giun đất hô hấp qua da, nếu bị ngập nước giun đất không hô hấp được dẫn đến thiếu oxi do vậy nó phải chui lên mặt đất để hô hấp.

**Câu 4**:

Hồng cầu trong máu cơ thể người làm nhiệm vụ vận chuyển oxy tới tế bào để oxy hóa các chất hữu cơ có trong thành phần tế bào sinh ra năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của cơ thể. Khi bị sốt rét hàng loạt thì hồng cầu bị phá hủy tế bào cơ thể bị thiếu oxy dẫn đến cơ thể bị thiếu năng lượng nên điều hòa thân nhiệt bị rối loạn, nhiệt độ cơ thể lên cao nhưng người vẫn bị rét run cầm cập.

**Đề 4:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** (4đ) Chọn câu trả lời đúng nhất và khoanh tròn.

**Câu 1:** Nơi kí sinh của trùng sốt rét là:

A. Phổi người. C. Máu người.

B. Ruột động vật. D. Khắp mọi nơi trong cơ thể.

**Câu 2:** Cấu tạo ngoài của thuỷ tức.

A. Cơ thể của Thuỷ tức có đối xứng hai bên, di chuyển kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu

B. Cơ thể của Thuỷ tức có đối xứng hai bên, di chuyển kiểu sâu đo.

C. Cơ thể của Thuỷ tức có đối xứng toả tròn, di chuyển kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu.

D. Cơ thể của Thuỷ tức có đối xứng hai bên, di chuyển kiểu lộn đầu.

**Câu 3:** Động vật nguyên sinh có cấu tạo từ:

A. 1 tế bào B. 2 tế bào C. 3 tế bào D. Đa bào

**Câu 4:** Cách sinh sản của trùng roi:

A. Phân đôi theo chiều dọc cơ thể C. Tiếp hợp

B. Phân đôi theo chiều ngang cơ thể D. Mọc chồi

**Câu 5:** Hãy lựa chọn phương án trả lời đúng

A. Thức ăn của giun đất là: vụn thực vật và mùn đất

B. Thức ăn chủ yếu của đỉa là: sinh vật phù du trong nước

C. Thức ăn của vắt là: nhựa cây

D. Thức ăn chủ yếu của giun là: đất

**Câu 8:** Thuỷ tức sinh sản bằng hình thức nào?

A. Thuỷ tức sinh sản vô tính đơn giản.

B. Thuỷ tức sinh sản hữu tính

C. Thuỷ tức sinh sản kiểu tái sinh.

D. Thuỷ tức vừa sinh sản vô tính vừa hữu tính và có khả năng tái sinh.

**Câu 7:** Cơ thể của Sứa có dạng?

A. Hình trụ B. Hình dù C. Hình cầu D. Hình que

**Câu 8:** Khi mưa nhiều giun đất lại chui lên mặt đất vì:

A. Giun đất không thích nghi với đời sống ở cạn gặp mưa giun đất chui lên mặt đất tìm nơi ở mới

B. Giun đất hô hấp qua da khi mưa nhiều nước ngập giun đất không hô hấp được dẫn đến thiếu ô xi nên giun đất phải chui lên mặt đất

C. Giun đất chui lên mặt đất để dễ dàng bơi lội

D. Báo hiệu thời tiết khi có nắng kéo dài.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6đ)**

**Câu 1.** Trùng Roi giống và khác thực vật ở những điểm nào? (2đ)

**Câu 2.** Nêu những cách phòng chống bệnh giun đũa kí sinh ở người? (2đ)

**Câu 3.** Trình bày đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của ngành Ruột Khoang? (2đ)

**Đáp án đề kiểm tra giữa kì 1 môn Sinh học lớp 7 – Đề 4**

**I. TRẮC NGHIỆM: (4đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | C | C | A | A | D | D | B | B |

**II. TỰ LUẬN: (6đ)**

**Câu 1** (2 điểm)

Trùng roi giống thực vật ở các điểm:

· Có cấu tạo từ tế bào, có diệp lục

· Có khả năng tự dưỡng

Khác

· Trùng roi có khả năng di chuyển

· Dinh dưỡng dị dưỡng

**Câu 2** (2 điểm)

· Ăn chín uống sôi

· Rửa tay trước khi ăn

· Vệ sinh cá nhân, môi trường, diệt ruồi

· Tẩy giun định kỳ 1-2 lần trong năm.

\* Lưu ý: các biện pháp hợp lý vẫn được tính điểm nhưng không quá 2 điểm.

**Câu 3** (2 điểm)

Đặc điểm chung:

· Cơ thể đối xứng tỏa tròn, ruột dạng túi

· Cấu tạo thành cơ thể có hai lớp tế bào

· Có tế bào gai để tự vệ và tấn công.

Vai trò thực tiễn:

· Tạo nên một vẽ đẹp kì diệu cho biển

· Có ý nghĩa sinh thái đối với biển

· Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi cho xây dựng

· Làm vật trang trí, trang sức

· Hoá thạch san hô góp phần nghiên cứu địa chất

**Đề 5:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** (3,0 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng duy nhất trong các câu sau (1,0 điểm)

**Câu 1.** Vì sao Sứa thích nghi được với đời sống di chuyển tự do?

A. Cơ thể có nhiều tua.

B. Ruột dạng túi.

C. Cơ thể hình dù, có tầng keo dày để dễ nổi, lỗ miệng quay xuống dưới.

D. Màu sắc cơ thể sặc sỡ.

**Câu 2.** Trùng biến hình di chuyển bằng bộ phận nào?

A. roi C. chân giả

B. lông bơi D. không có bộ phận di chuyển

**Câu 3:** Đặc điểm cơ quan sinh dục của Giun đũa là:

A. chưa phân hóa C. lưỡng tính

B. phân tính D. cả câu B và C

**Câu 4:** Ruột khoang có số lượng loài khoảng?

A. 10000 loài B. 15000 loài C. 20000 loài D. 25000 loài

**Câu 5:** Tìm các cụm từ (tiến và xoay, phân đôi cơ thể, tiếp hợp, đơn bào, đa bào, màng cơ thể, thành cơ thể) phù hợp điền vào chỗ trống (1,0 điểm)

Trùng roi xanh là một cơ thể động vật...(1).............., di chuyển nhờ roi, vừa...(2)............ , dinh dưỡng dị dưỡng, hô hấp qua ...(3)............., bài tiết và điều chỉnh áp suất thẩm thấu nhờ không bào co bóp, sinh sản vô tính theo cách...(4).........................

**Câu 6:** Nối cột A với B cho phù hợp: (1,0 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Sán lá máu | a. Kí sinh ở gan, mật trâu bò |
| 2. Sán lá gan | b. Kí sinh ở ruột non người |
| 3. Sán bã trầu | c. Kí sinh ở ruột lợn |
| 4. Sán dây | d. Kí sinh trong máu người |

**II. PHẦN TỰ LUẬN:** (7,0 điểm)

**Câu 1:** (2,0 điểm) Vẽ hình Cấu tạo cơ thể trùng roi xanh (chú thích rõ các bộ phận)

**Câu 2:** (3,0 điểm)

a/ Giun đũa có đặc điểm cấu tạo nào khác với Sán lá gan?

b/ Giun đũa gây tác hại gì đối với sức khỏe con người?

c/ Nêu biện pháp phòng chống giun sán kí sinh ở người.

**Câu 3:** (2,0 điểm) San hô có lợi hay có hại? Biển nước ta có giàu San hô không?

**Đáp án đề kiểm tra giữa kì 1 môn Sinh học lớp 7 – Đề 5**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** (3,0 điểm)

Mỗi nội dung đúng 0,25 điểm × 12 nội dung = 3,0 điểm

**Câu 1:** C

**Câu 2:** C

**Câu 3:** B

**Câu 4:** A

**Câu 5:**

(1) Đơn bào

(2) vừa tiến vừa xoay

(3) màng cơ thể

(4) phân đôi cơ thể

**Câu 6:**

1 + d 2 + a 3 + c 4 + b

**II. PHẦN TỰ LUẬN:** (7,0 điểm)

**Câu 1:** (2 điểm) Vẽ hình Cấu tạo cơ thể trùng roi xanh



1. Roi

2. Điểm mắt

3. Không bào co bóp

4. Màng cơ thể

5. Hạt diệp lục

6. Hạt dự trữ

7. Nhân

Vẽ hình 1,0 điểm, chú thích đúng đủ 1,0 điểm (sai hoặc thiếu 1 chú thích trừ 0,25 điểm)

**Câu 2:** (3,0 điểm)

a/ Giun đũa có đặc điểm cấu tạo khác với Sán lá gan: (1,0 điểm)

Giun đũa Sán lá gan

- Cơ thể hình ống như chiếc đũa - Cơ thể hình lá dẹp

- Có vỏ cuticun bao bọc cơ thể - Không có vỏ cuticun

- Có khoang cơ thể chưa chính thức - Chưa có khoang cơ thể

- Chỉ có cơ dọc - Có cơ dọc, cơ vòng, cơ lưng, bụng

- Ruột thẳng, có hậu môn - Ruột phân nhánh, chưa có hậu môn

- Cơ quan sinh dục phân tính - Cơ quan sinh dục lưỡng tính

b/ Giun đũa gây tác hại đối với sức khỏe con người: (1,0 điểm)

- Hút chất dinh dưỡng của người

- Tiết độc tố vào cơ thể người

- Gây đau bụng, đôi khi gây tắc ruột, tắc ống mật

c/ Biện pháp phòng chống giun sán kí sinh ở người: (1,0 điểm)

- Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh

- Giữ vệ sinh ăn uống, thân thể và môi trường

- Đi vệ sinh đúng nơi qui định, xây dựng nhà vệ sinh hợp vệ sinh

- Uống thuốc tẩy giun sán định kì 6 tháng một lần

**Câu 3:** (2,0 điểm)

- San hô vừa có lợi và có hại:

- Có lợi: (1,0 điểm)

+ Cung cấp nguyên liệu vôi cho xây dựng: san hô đá

+ Làm vật trang trí và đồ trang sức: san hô sừng hươu, san hô đỏ, san hô đen

+ Vật chỉ thị địa tầng trong nghiên cứu địa chất: hóa thạch san hô

+ Có ý nghĩa về mặt sinh thái: đảo ngầm san hô

- Có hại: (0,5 điểm) Đảo ngầm san gây cản trở giao thông đường biển.

- Biển nước ta rất giàu san hô: ở vịnh Hạ Long, vùng biển Côn Đảo và Hoàng Sa, trường Sa. (0,5 điểm)

**Đề 6:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**Đề trắc nghiệm: (0,25đ/câu). Chọn câu trả lời đúng nhất)**

**Câu 1:** Vai trò của điểm mắt ở trùng roi là?

A. bắt mồi. C. kéo dài roi.

B. định hướng. D. điều khiển roi.

**Câu 2:** Khi trùng roi xanh sinh sản thì bộ phận phân đôi trước là?

A. nhân tế bào C. điểm mắt

B. không bào co bóp D. roi

**Câu 3:** Nhờ hoạt động của điểm mắt mà trùng roi có đặc tính gì?

A. hướng đất. C. hướng hoá.

B. hướng nước. D. hướng sáng.

**Câu 4:** Trong các đặc điểm nào dưới đây có cả ở trùng giày, trùng roi và trùng biến hình?

A. Cơ thể luôn biến đổi hình dạng. C. Có khả năng tự dưỡng.

B. Cơ thể có cấu tạo đơn bào. D. Di chuyển nhờ lông bơi.

**Câu 5:** Nhóm động vật nguyên sinh nào dưới đây có chân giả?

A. trùng biến hình và trùng roi xanh. C. trùng giày và trùng kiết lị.

B. trùng roi xanh và trùng giày. D. trùng biến hình và trùng kiết lị.

**Câu 6:** Trong điều kiện tự nhiên, bào xác trùng kiết lị có khả năng tồn tại trong bao lâu?

A. 3 tháng. B. 6 tháng. C. 9 tháng. D. 12 tháng.

**Câu 7:** Vật chủ trung gian thường thấy của trùng kiết lị là gì?

A. Ốc. B. Muỗi. C. Cá. D. Ruồi, nhặng.

**Câu 8:** Vị trí kí sinh của trùng kiết kị trong cơ thể người là?

A. trong máu. C. ở gan.

B. khoang miệng. D. ở thành ruột.

**Câu 9:** Trong các biện pháp sau, biện pháp nào giúp chúng ta phòng tránh được bệnh kiết lị?

A. Mắc màn khi đi ngủ. C. Đậy kín các dụng cụ chứa nước.

B. Diệt bọ gậy. D. Ăn uống hợp vệ sinh.

**Câu 10:** Trong các phương pháp sau, phương pháp nào được dùng để phòng chống bệnh sốt rét?

1. Ăn uống hợp vệ sinh.

2. Mắc màn khi ngủ.

3. Rửa tay sạch trước khi ăn.

4. Giữ vệ sinh nơi ở, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh.

Phương án đúng là

A. 1; 2. B. 2; 3. C. 2; 4. D. 3; 4.

**Câu 11:** Hình dạng của thuỷ tức là?

A. dạng trụ dài. C. hình đĩa.

B. hình cầu. D. hình nấm.

**Câu 12:** Thuỷ tức có di chuyển bằng cách nào?

A. Di chuyển kiểu lộn đầu.

B. Di chuyển kiểu sâu đo.

C. Di chuyển bằng cách hút và nhả nước.

D. Cả A và B đều đúng.

**Câu 13:** Hình thức sinh sản vô tính của thuỷ tức là gì?

A. Phân đôi. C. Tạo thành bào tử.

B. Mọc chồi. D. Cả A và B đều đúng.

**Câu 14:** Đặc điểm nào dưới đây có ở sứa?

A. Miệng ở phía dưới. C. Cơ thể dẹp hình lá.

B. Di chuyển bằng tua miệng. D. Không có tế bào tự vệ.

**Câu 15:** Loài ruột khoang nào có cơ thể hình trụ, kích thước khoảng từ 2 cm đến 5 cm, có nhiều tua miệng xếp đối xứng và có màu rực rỡ như cánh hoa ?

A. Thuỷ tức. B. Hải quỳ. C. San hô. D. Sứa.

**Câu 16:** Đặc điểm nào dưới đây không có ở hải quỳ?

A. Kiểu ruột hình túi. C. Sống thành tập đoàn.

B. Cơ thể đối xứng toả tròn. D. Thích nghi với lối sống bám.

**Câu 17:** Đặc điểm có ở động vật là?

A. Có cơ quan di chuyển C. Có thành xenlulozo ở tế bào

B. Có thần kinh và giác quan D. Lớn lên và sinh sản

**Câu 18:** Trùng biến hình có kiểu dinh dưỡng như thế nào?

A. Tự dưỡng B. Dị dưỡng C. Kí sinh D. Cộng sinh

**Câu 19:** Sứa bơi lội trong nước nhờ?

A. Tua miệng phát triển và cử động linh hoạt

B. Dù có khả năng co bóp

C. Cơ thể có tỉ trọng xấp xỉ nước

D. Cơ thể hình dù, đối xứng tỏa tròn

**Câu 20:** Người ta khai thác san hô đen nhằm mục đích gì?

A. Cung cấp vật liệu xây dựng. C. Thức ăn cho con người và động vật.

B. Nghiên cứu địa tầng. D. Vật trang trí, trang sức.

**Câu 21:** Giun dẹp cấu tạo cơ thể có các lớp cơ chính?

A. Cơ dọc B. Cơ chéo C. Cơ vòng D. Cả A, B và C

**Câu 22:** Giun dẹp thường kí sinh ở?

A. Trong máu C. Trong ruột

B. Trong mật và gan D. Cả A, B và C

**Câu 23:** Vỏ cuticun và lớp cơ ở giun tròn đóng vai trò gì?

A. Hấp thụ thức ăn C. Bài tiết sản phẩm

B. Bộ xương ngoài D. Hô hấp, trao đổi chất

**Câu 24:** Giun đất di chuyển nhờ?

A. Lông bơi C. Chun giãn cơ thể

B. Vòng tơ D. Kết hợp chun giãn và vòng tơ

**Câu 25:** Sán lá gan di chuyển nhờ?

A. Lông bơi C. Chun giãn cơ thể

B. Chân bên D. Giác bám

Câu 26: Sán dây lây nhiễm cho người qua?

A. Trứng C. Nang sán (hay gạo)

B. Ấu trùng D. Đốt sán

**Câu 27:** Chỗ bắt đầu của chuỗi thần kinh bụng giun đất ở

A. Hạch não C. Hạch dưới hầu

B. Vòng thần kinh hầu D. Hạch ở vùng đuôi

**Câu 28:** Ấu trùng giun đũa xâm nhập vào cơ thể, theo máu đi qua

A. Ruột non B. Tim C. Phổi D. Cả A, B và C

**Câu 29:** Bộ phận tương tự “tim” của giun đất nằm ở?

A. Mạch lưng C. Mạch bụng

B. Mạch vòng D. Mạch vòng vùng hầu

**Câu 30:** Giun đũa di chuyển nhờ

A. Cơ dọc C. Cong và duỗi cơ thể

B. Chun giãn cơ thể D. Cả A, B và C

**Câu 31:** Giun đũa loại các chất thải qua đâu?

A. Huyệt B. Miệng C. Bề mặt da D. Hậu môn

**Câu 32:** Cơ quan sinh dục của giun đũa đực gồm?

A. 1 ống B. 2 ống C. 3 ống D. 4 ống

**Câu 33:** Ấu trùng sán lá gan có mắt và lông bơi ở giai đoạn nào?

A. Kén sán C. Ấu trùng lông

B. Ấu trùng trong ốc D. Ấu trùng đuôi

**Câu 34:** Lỗ hậu môn của giun đất nằm ở?

A. Đầu B. Đốt đuôi C. Giữa cơ thể D. Đai sinh dục

**Câu 35:** Giun đất phân biệt nhờ?

A. Cơ thể phân đốt C. Có chân bên

B. Có khoang cơ thể chính thức D. Cả A, B và C

**Câu 36:** Giun đất lưỡng tính nhưng thụ tinh theo hình thức nào?

A. Tự thụ tinh C. Thụ tinh chéo

B. Thụ tinh ngoài D. Cả A, B và C

**Câu 37:** Giun đốt có khoảng bao nhiêu loài?

A. Trên 9 nghìn loài C. Trên 10 nghìn loài

B. Dưới 9 nghìn loài D. Dưới 10 nghìn loài

**Câu 38:** Giun đũa, giun kim, giun móc câu thuộc ngành giun gì?

A. Giun dẹp B. Giun tròn C. Giun đốt D. Cả A, B và C

**Câu 39:** Thí nghiệm mổ giun đất ta tiến hành mổ:

A. Mặt bụng B. Bên hông C. Mặt lưng D. Lưng bụng đều được

**Câu 40:** Loài nào của ngành ruột khoang gây ngứa và độc cho người?

A. Thủy tức B. Sứa C. San hô D. Hải quỳ

**Đáp án đề thi giữa kì 1 sinh học 7 – Đề 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Câu* | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| *Đ/a* | B | A | D | B | D | B | D | D | D | C |
| *Câu* | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| *Đ/a* | A | D | D | A | B | C | C | B | B | D |
| *Câu* | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| *Đ/a* | D | D | B | D | C | C | B | D | D | D |
| *Câu* | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| *Đ/a* | D | A | C | B | D | C | A | B | C | B |

**Đề 7:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

Khoanh tròn 1 chữ cái A, B, C, D đứng trước phương án trả lời đúng.

**Câu 1.** Môi trường sống của trùng roi xanh là:

A. Ao, hồ, ruộng. C. Cơ thể người.

B. Biển. D. Cơ thể động vật.

**Câu 2.** Hình thức dinh dưỡng của trùng biến hình là:

A. Tự dưỡng. C. Cộng sinh.

B. Dị dưỡng. D. Tự dưỡng và dị dưỡng.

**Câu 3.** Trùng sốt rét truyền vào máu người qua động vật nào?

A. Ruồi vàng B. Bọ chó C. Bọ chét D. Muỗi Anôphen

**Câu 4.** Đặc điểm chung của động vật nguyên sinh:

A. Gây bệnh cho người và động vật khác.

B. Di chuyển bằng tua.

C. Cơ thể chỉ là một tế bào đảm nhiệm mọi chức năng sống.

D. Sinh sản hữu tính.

**Câu 5.** Đa số đại diện của ruột khoang sống ở môi trường nào?

A. Sông. B. Biển. C. Suối. D. Ao, hồ.

**Câu 6.** Đặc điểm cấu tạo nào chứng tỏ sứa thích nghi với lối sống di chuyển tự do.

A. Cơ thể hình dù, lỗ miệng ở dưới, có đối xứng tỏa tròn.

B. Cơ thể hình trụ.

C. Có đối xứng tỏa tròn.

D. Có 2 lớp tế bào và có đối xứng tỏa tròn.

**Câu 7.** Lớp cuticun bọc ngoài cơ thể giun tròn có tác dụng gì?

A. Như bộ áo giáp tránh sự tấn công của kẻ thù.

B. Như bộ áo giáp giúp không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa trong ruột non.

C. Giúp cơ thể luôn căng tròn.

D. Giúp cơ thể dễ di chuyển.

**Câu 8.** Vai trò của giun đất đối với đất trồng trọt:

A. Làm cho đất tơi xốp.

B. Làm tăng độ màu cho đất.

C. Làm mất độ màu của đất.

D. Làm cho đất tơi xốp và tăng độ màu cho đất.

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (6 điểm)**

**Câu 1: ( 3 điểm )** Vẽ sơ đồ vòng đời của giun đũa? Bằng sự hiểu biết, em hãy nêu các biện pháp chính đề phòng chống giun đũa kí sinh ở người?

**Câu 2: ( 1 điểm )** Nêu đặc điểm cấu tạo ngoài của giun đất thích nghi với đời sống trong đất?

**Câu 3 : ( 2 điểm )** Đặc điểm chung của ngành ruột khoang? Ruột khoang có vai trò gì?

**Đáp án đề thi giữa kì 1 sinh học 7 – Đề 7**

**I** . **Phần trắc nghiệm**. (4đ): Mỗi ý đúng được 0,5đ.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | A | B | D | C | B | A | B | D |

**II. Tự luận**: 7 điểm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | Vẽ sơ đồ vòng đời.Trứng giun Đường di chuyển ấu trùng (ruột non MáuTim, gan Ruột non rồi kí sinh tại đây)Biện pháp.- Ăn uống vệ sinh, không ăn rau sống, không uống nước lã; rửa tay trước khi ăn và kết hợp với vệ sinh cộng đồng.- Tẩy giun 1 đến 2 lần / năm. | 21 |
| 2 | Đặc điểm thích nghi:- Cơ thể dài, phân đốt.- Các đốt phần đầu có thành cơ phát triển- Chi bên tiêu giảm, có vòng tơ ở xung quanh mỗi đốt làm chỗ dựa chui rúc trong đất. | 0,50,5 |
| 3 | - Các đặc điểm chung của ngành Ruột khoang+ Cơ thể đối xứng tỏa tròn+ Ruột dạng túi+ Thành cơ thể gồm 2 lớp tế bào+ Tấn công và tự vệ bằng tế bào gaiVai trò+ Nguồn cung cấp thức ăn.+ Đồ trang trí, trang sức:+ Nguyên liệu cho xây dùng.+ Nghiên cứu địa chất.+ Tạo vẻ đẹp thiên nhiên+ Có ý nghĩa sinh thái đối với biển. | 0,50,51 |

**Đề 8:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**A. TRẮC NGHIỆM: (4đ)**

**1. Hệ thần kinh của giun đất có dạng nào?**

A. Thần kinh dạng lưới C. thần kinh ống

B. Thần kinh dạng chuỗi hạch D . Cả A, B, C đúng

**2. Tại sao người mắc bệnh sán dây?**

A. Nang sán có trong thịt trâu bò,lợn gạo

B. Người ăn phải thịt trâu, bò, lợn gạo.

C. Người ăn phải ấu trùng phát triển thành nang sán

D. Cả A, B, C đúng

**3. Trùng roi xanh giống tế bào thực vật ở chỗ nào?**

A. Có diệp lục. C.Thành xenlulozo.

B. Có roi. D. Có điểm mắt.

**4. Trùng sốt rét phá hủy loại tế bào nào của máu?**

A. Bạch cầu B. Tiểu cầu C. Hồng cầu D.Cả A, B và C

**5. Bộ phận nào của san hô có thể dùng để trang trí.**

A. Phần thịt B. Khung xương C. Tua D. Cả A , B, C

**6. Thành cơ thể của ruột khoang có:**

A. 1 lớp B. 2 lớp C. 3 lớp D. 4 lớp

**7. Triệu chứng ở lợn nuôi khi mắc bệnh sán bã trầu:**

A. Lợn gầy rạc B. Da sần sùi C. Chậm lớn D. Cả A, B, C

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|  |  |  |  |  |  |  |

**Câu II: Nối nội dung cột A phù hợp với nội dung cột B.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘT A** | **CỘT B** | Kết quả |
| ***A***.Động vật***B***.Thực vật. | 1. Không di chuyển2. Có khả năng di chuyển.3.Có hệ thần kinh và giác quan.4.Dị dưỡng5.Tự dưỡng. | A..........B............. |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6đ)**

**Câu 1.** (1.5đ). Nêu tác hại của giun sán. Cách phòng tránh bệnh giun sán.

**Câu 2.** (1,5đ) Nêu những lợi ích của giun đất đối vói đất trồng... ý tưởng bảo vệ phát triển giun đất

**Câu 3.** (1đ) Nêu vai trò của ngành ruột khoang đối với biển và đời sống con người.

**Câu 4.** (2đ) Hoàn thành chú thích vào hình vẽ sau:



**Đáp án đề thi giữa kì 1 sinh học 7 – Đề 8**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

**Câu 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| B | D | A | C | B | B | D |

**Câu 2: Nối nội dung cột A phù hợp với nội dung cột B.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘT A** | **CỘT B** | Kết quả |
| ***A***. Động vật***B***. Thực vật. | 1. Không di chuyển2. Có khả năng di chuyển.3.Có hệ thần kinh và giác quan.4.Dị dưỡng5.Tự dưỡng. | A – 2, 3, 4B – 1, 5 |

**II. PHẦN TỰ LUẬN.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **phần** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1***(1,5đ)* | a | Tác hại của giun sán : -Đau bụng, tắc ống mật , tắc ruột Bệnh chân voi........- Xanh xao vàng vọt do giun sán ăn tranh chất dinh dưỡng.. | 0,5 |
| b | Cách phòng tránh : Ăn chín uống sôi- Hạn chế ăn thức ăn sống cá gỏi , rau sống Phải xử lý ngâm= nước muối pha loãng- Tuyên truyền cho mọi ngươi thấy rõ tác hại của bệnh giun sán- Chú ý bón phân cho rau phải dùng phân ủ hoai mục tránh dùng phân tươi.-Vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Vệ sinh môi trường | 1 |
| **Câu2***(1,5đ)* | a | Nêu những lợi ích của ngành giun đốt . ý tưởng bảo vệ phát triển giun đốt- Làm thức ăn cho người Sái sùng,rươi.- thức ăn cho động vật : Giun đất giun đỏ-Làm tơi xốp mầu mỡ đất trồng Giun đất-Làm thức ăn cho cá : Giun đỏ | 1 |
| b | \* ý tưởng bảo vệ phát triển giun đốt: Bảo vệ môi trường bảo vệ các loài SV.... | 0,5 |
| **Câu** 3( 1 đ*)* | a | Nêu vai trò của ngành ruột khoang đối với biển và đời sống con người.vai trò của ngành ruột khoang đối với biển: Tạo cảnh quan và là nơi trú ngụ cho các sinh vật biển | 0,5 |
| b | vai trò của ngành ruột khoang đối đời sống con người: Cung cấp nguồn nguyên liệu đá vôi cho ngành xây dựng Địa tằng nghiên cứu địa chất .... | **0,5** |
| **Câu 4 (2đ)** |  | 1. Miệng 2. Hầu 3. Thực quản 4. Diều 5. Dạ dầy cơ 6. Ruột 7. Ruột tịt11, 12, 13 Tuyến sinh dục lưỡng tính | **2** |
| **Tổng 4 câu** |  | **6đ** |

**Đề 9:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 – 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**Phần I. Trắc nghiệm khách quan (3.0 điểm)**

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

**Câu 1.** Động vật nguyên sinh nào sau đây có lối sống kí sinh?

A. Trùng roi xanh C. Trùng biến hình

B. Trùng giày D. Trùng kiết lị

**Câu 2.** Khi mổ các động vật không xương cần chú ý điều gì?

A. Mổ ở mặt bụng C. Mổ ở các vị trí đều được

B. Mổ ở mặt lưng D. Mổ ở mặt bên

**Câu 3.** Nhóm động vật nào sau đây gồm toàn các loài thuộc ngành ruột khoang?

A. Thủy tức, giun kim, giun đũa C. Sứa, san hô, thủy tức

B. Lươn, mực, bạch tuộc D. Hải quì, sao biển, ốc sên

**Câu 4.** Cơ thể là một tế bào hình thoi, đuôi nhọn đầu tù và có một roi dài. Roi xoáy vào nước giúp chúng di chuyển là đặc điểm của động vật nguyên sinh nào?

A. Trùng roi xanh. C. Trùng biến hình.

B.Trùng giày. D. Trùng kiết lị.

**Câu 5.** Trùng roi có màu xanh lá cây nhờ:

A. Sắc tố ở màng cơ thể. C. Màu sắc của điểm mắt.

B. Màu sắc của các hạt diệp lục. D. Sự trong suốt của màng cơ thể.

**Câu 6.** Loài ruột khoang nào sau đây có ý nghĩa lớn về mặt sinh thái ở biển?

A. Sứa B. San hô C. Hải quì D. Thủy tức

**Câu 7.** Trùng kiết lị giống trùng biến hình ở đặc điểm nào trong số các đặc điểm sau đây:

A. Có chân giả. C. Sống tự do ngoài thiên nhiên.

B. Di chuyển tích cực. D. Ăn hồng cầu.

**Câu 8.** Đai sinh dục của Giun đất có:

A. 1 lỗ cái, 2 lỗ đực C. 2 lỗ cái, 2 lỗ đực

B. 2 lỗ cái, 1 lỗ đực D. 1 lỗ cái, 1 lỗ đực

**Câu 9.** Khi mưa nhiều giun đất lại chui lên mặt đất vì:

A. Giun đất hô hấp qua da khi mưa nhiều nước ngập giun đất không hô hấp được dẫn đến thiếu ôxi nên giun đất phải chui lên mặt đất

B. Giun đất thích nghi với đời sống ở cạn gặp mưa giun đất chui lên mặt đất tìm nơi ở mới

C. Giun đất chui lên mặt dất để dễ dàng bơi lội

D. Giun đất chui lên mặt đất để tìm đối tượng giao phối

**Phần II. Tự luận (6.0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm):** Động vật nguyên sinh có vai trò thực tiễn như thế nào?

**Câu 2 (2,0 điểm):** Trình bày đặc điểm chung của ngành ruột khoang.

**Câu 3 (3,0 điểm):** Hãy trình bày các biện pháp phòng tránh giun sán kí sinh? Tại sao tỉ lệ nhiễm giun sán kí sinh ở nước ta còn cao?

**Đáp án đề thi giữa kì 1 sinh học 7 – Đề 9**

**Phần I. Trắc nghiệm khách quan (3.0 điểm)**

Mỗi ý đúng được 0,3đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| Đáp án | D | B | C | A | B | B | A | B | A |

**Phần II. Tự luận (6.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Đáp án | Điểm |
| 1 | Vai trò của Động vật nguyên sinh trong thực tiễn- Thức ăn của nhiều động vật lớn hơn trong nước- Chỉ thị về độ sạch của môi trường nước- Một số ĐVNS gây bệnh nguy hiểm cho người và động vật | 0.50.51 |
| 2 | Ngành ruột khoang có đặc điểm chung:- Đối xứng tỏa tròn- Ruột dạng túi- Cấu tạo cơ thể gồm 2 lớp tế bào- Tế bào gai để tự vệ và tấn công | 2.0 đ |
| 3 | a) Các biện pháp phòng chống giun sán kí sinh- Giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân- Giữ vệ sinh ăn uống- Uống thuốc tẩy giun định kì(hs nêu biện pháp cụ thể)b) Tỉ lệ nhiễm giun sán kí sinh ở nước ta do các nguyên nhân sau:- Việt Nam có khí hậu nhiệt đới gió mùa tạo điều kiện thuận lợi cho giun sán phát triển.- Việc giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh ăn uống thực hiện chưa tốt.- Nhiều vùng sản xuất nông nghiệp nông dân vẫn có thói quen sử dụng phân tươi để bón cho cây trồng- Ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân còn hạn chế |  |

**Đề 10:**

Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo .....

**Đề thi Giữa học kì 1**

**Năm học 2021 - 2022**

Bài thi môn: Sinh học

Thời gian làm bài: 60 phút

**I. Trắc nghiệm: (3đ)**

**Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng duy nhất trong các câu sau:**

**Câu 1.** Vì sao sứa thích nghi được với đời sống di chuyển tự do?

A. Cơ thể có nhiều tua.

B. Ruột dạng túi.

C. Cơ thể hình dù, có tầng keo dày để dễ nổi, lỗ miệng quay xuống dưới.

D. Màu sắc cơ thể sặc sỡ.

**Câu 2**. Thủy tức di chuyển bằng cách nào?

A. Bằng lông bơi và roi bơi. C. Theo kiểu sâu đo và roi bơi.

B. Theo kiểu sâu đo và lộn đầu. D. Theo kiểu lộn đầu và lông bơi.

**Câu 3**. Vì sao nói động vật đem lại lợi ích cho con người?

A. Vì động vật cung cấp nguyên liệu, dùng cho học tập, nghiên cứu và các hỗ trợ khác.

B. Vì động vật cung cấp nguyên liệu và truyền bệnh cho con người.

C. Vì động vật rất đa dạng và phong phú.

D. Vì động vật gần gũi với con người.

**Câu 4.** Các biện pháp phòng chống bệnh sốt rét là:

A. Ăn uống phải hợp vệ sinh.

B. Tiêu diệt muỗi, nằm màn, diệt muỗi và ấu trùng muỗi.

C. Vệ sinh thân thể, rửa tay sạch trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.

D. Không cần làm gì cả vì bệnh sốt rét không lây qua người.

**Câu 5**. Sự sinh sản vô tính mọc chồi ở san hô khác thủy tức ở điểm:

A. Khi sinh sản cơ thể con dính liền với cơ thể mẹ.

B. Hình thành tế bào trứng và tinh trùng.

C. Sinh sản mọc chồi, cơ thể con không dính liền cơ thể mẹ.

D. Cơ thể phân đôi hình thành hai cơ thể mới.

**Câu 6.** Đặc điểm phân biệt động vật và thực vật là:

A. Có hệ thần kinh và giác quan C. Dị dưỡng

B. Có khả năng di chuyển D. Tất cả các ý trên

**II. Tự luận: (7đ)**

**Câu 1.** Trình bày đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của ngành Động vật Nguyên sinh? (3 đ)

**Câu 2.** Mô tả vòng đời kí sinh của sán lá gan? (2đ)

**Câu 3:** Giun đũa gây ra những tác hại gì đối với sức khoẻ con người? Nêu các biện pháp phòng chống giun đũa kí sinh ở người? (2đ )

**Đáp án đề thi giữa kì 1 sinh học 7 – Đề 10**

**I. Trắc nghiệm**: (5đ) Mỗi ý đúng cho 0.5đ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **Đáp án** | C | B | A | B | A | D |

**II. Phần Tự Luận**

**Câu 1.** Đặc điểm chung của ngành Động vật nguyên sinh: (3đ)

- Cơ thể có kích thước hiển vi.

- Cơ thể chỉ gồm 1 tế bào nhưng đảm nhận mọi chức năng của cơ thể sống.

- Phần lớn dị dưỡng, di chuyển bằng chân giả, lông hoặc roi bơi hoặc tiêu giảm. sinh sản cô tính bằng phân đôi.

Vai trò:

- Làm thức ăn cho động vật nhỏ, đặc biệt là giáp xác nhỏ. Ví dụ: trùng biến hình,…

- Có ý nghĩa về địa chất. Ví dụ: trùng lỗ,…

- Chỉ thị cho môi trường. Ví dụ: trùng roi,…

- Một số gây bệnh cho động vật và con người. Ví dụ: trùng sốt rét,…

**Câu 2.** Vòng đời kí sinh của sán lá gan: (2 đ)



**Câu 3.**

- Tác hại của giun đũa đối với sức khoẻ con người: (1,0 điểm )

+ Lấy chất dinh dưỡng

+ Gây tắc ruột.

+ Gây tắc ống mật.

+ Tiết độc tố gây hại cho cơ thể người

Các biện pháp phòng chống giun sán kí sinh ở người: (1đ)

- Vệ sinh thân thể như: rửa tay trước khi ăn, tắm giặc hằng ngày, không đi chân đất,…

- Vệ sinh trong ăn uống: ăn chín, uống sôi, không ăn thịt tái, hạn chế ăn rau sống,…

- Vệ sinh môi trường: quét dọn nhà cửa, khơi thông nước đọng,…

- Uống thuốc tẩy giun định kì: 6 tháng 1 lần.